

QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC, CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

ĐỖ TIẾN SÂM*

I. MỞ ĐẦU

Do vị thế địa chính trị, kinh tế, văn hoá của Việt Nam cùng với sự tác động và ảnh hưởng lẫn nhau về nhiều mặt giữa Việt Nam - Trung Quốc nên quan hệ giữa hai nước có một vị trí và vai trò quan trọng trong chính sách đối ngoại của mỗi nước.

Có thể nói, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc phát triển tốt đẹp không những đáp ứng lợi ích cơ bản và lâu dài của nhân dân hai nước, mà còn phù hợp với xu thế hoà bình, hợp tác, phát triển của khu vực và trên toàn thế giới.

Bài viết này trình bày và phân tích những thành tựu, những vấn đề đang đặt ra trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc từ khi bình thường hoá năm 1991 đến nay, sau đó nêu lên một số kiến nghị về việc tăng cường hợp tác giữa hai nước nhằm hướng tới mục tiêu chung là cùng nhau phát triển.

II. NHỮNG THÀNH TỰU VÀ VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA TRONG QUAN HỆ GIỮA HAI NƯỚC

A. Những thành tựu chủ yếu

1. Về mặt chính trị - ngoại giao

Từ khi bình thường hoá quan hệ năm 1991 đến nay, trên cơ sở nguyên tắc

chung đã được thoả thuận, các cuộc gặp gỡ cấp cao của lãnh đạo hai nước, hai Đảng đã được duy trì thường xuyên hàng năm với nhiều hình thức khác nhau. Điều đó đã góp phần tăng cường sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, thúc đẩy quan hệ hai nước phát triển toàn diện và nhanh chóng. Nhân các cuộc gặp gỡ này, lãnh đạo hai nước đã ký 5 bản Thông cáo chung (năm 1991, 1992, 1994, 1995 và 2004) và 3 bản Tuyên bố chung (năm 1999, 2000 và 2001). Trên cơ sở các nguyên tắc đã được xác định trong các bản Tuyên bố chung và Thông cáo chung cùng với nhận thức chung đã đạt được giữa lãnh đạo hai nước, tại cuộc gặp gỡ cấp cao tháng 2-1999, hai bên đã thoả thuận xây dựng quan hệ Việt Nam - Trung Quốc theo phương châm 16 chữ "*láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai*".

Cùng với các cuộc gặp gỡ cấp cao, hàng năm trung bình có hàng trăm cuộc tiếp xúc hữu nghị và giao lưu hợp tác giữa các ban ngành, các tổ chức quần chúng và các địa phương của hai nước. Những năm gần đây, tổ chức đoàn thanh niên hai nước cũng đã triển khai một số

* TS. Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

cuộc giao lưu hữu nghị với những phương thức và hình thức phong phú đa dạng. Đặc biệt, các ngành ngoại giao, quốc phòng và an ninh của hai nước đã chính thức ký kết các văn bản hợp tác song phương, qua đó tăng cường sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau. Riêng trong lĩnh vực ngoại giao, hai bên đã thoả thuận tiếp tục tăng cường cơ chế trao đổi ý kiến hàng năm giữa quan chức cấp cao Bộ Ngoại giao nhằm trao đổi ý kiến về những vấn đề song phương, khu vực và quốc tế mà hai bên cùng quan tâm. Ngoài ra, hai bên còn tăng cường hợp tác, phối hợp với nhau tại các diễn đàn đa phương quốc tế và khu vực như Liên Hợp quốc, ARF, Hợp tác Đông Á, APEC, ASEM v.v.....

Có thể nói, mối quan hệ chính trị ngoại giao giữa hai nước trong giai đoạn đoạn hiện nay là thuận lợi nhất từ trước đến nay, nó không những đáp ứng và thể hiện đầy đủ các nguyên tắc đã được thoả thuận giữa hai nước, hai Đảng, không chịu bất kỳ sự chi phối hay sức ép nào từ bên ngoài như trong thời kỳ chiến tranh lạnh⁽¹⁾, mà còn có tác dụng thúc đẩy làm cho quan hệ hai nước phát triển nhanh chóng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá và các lĩnh vực khác; đồng thời cũng là nhân tố quan trọng nhất góp phần giải quyết thoả đáng những vấn đề lịch sử để lại, trong đó có vấn đề biên giới lãnh thổ trong quan hệ hai nước.

2. Về mặt kinh tế

Từ khi bình thường hoá quan hệ năm 1991, được sự *thúc đẩy* của quan hệ chính trị, ngoại giao, sự *bảo đảm* của quan hệ an ninh, sự *bổ sung* lẫn nhau về kinh tế cùng với những *thuận lợi* vốn có

về điều kiện địa lý, văn hoá v.v..., mối quan hệ kinh tế Việt Nam – Trung Quốc đã có sự phát triển nhanh chóng trên nhiều lĩnh vực, trong đó nổi bật nhất là quan hệ thương mại, đầu tư và du lịch v.v...

Về *thương mại*, từ năm 1991 đến năm 2003, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá hai bên từ 32,23 triệu USD tăng lên đạt tới 4,63 tỷ USD, tăng hơn 144 lần. Trong đó Việt Nam xuất khẩu hàng hoá sang Trung Quốc từ 10,83 triệu USD tăng lên 1,456 tỷ USD, tăng hơn 134 lần; còn Trung Quốc xuất khẩu sang Việt Nam từ 21,40 triệu tăng lên 3,178 tỷ USD, tăng hơn 148 lần⁽²⁾. 7 tháng đầu năm 2004, kim ngạch thương mại hai nước đạt 3,749 tỷ USD, tăng 39,32% so với cùng kỳ năm trước, đưa Trung Quốc trở thành bạn hàng lớn nhất của Việt Nam⁽³⁾. Năm 2004 theo đánh giá sơ bộ của các ngành hữu quan, kim ngạch thương mại hai nước đã đạt hơn 6 tỷ USD, vượt mức mà lãnh đạo hai nước đề ra.

Về *đầu tư*, đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc tại Việt Nam trong thời gian 1991 – 2003 đã tăng từ 1 hạng mục năm 1991 lên đạt 249 hạng mục vào năm 2003; còn về kim ngạch đầu tư trực tiếp theo hiệp định trong thời gian tương ứng cũng từ 20 vạn USD tăng lên đạt hơn 500 triệu USD⁽⁴⁾, đứng thứ 15 trong số 66 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. Bước sang năm 2004, 8 tháng đầu năm, Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam 43 dự án với số vốn đăng ký đạt 50,227 triệu USD, đứng thứ 9 trong số 34 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam⁽⁵⁾.

Về du lịch, cùng với sự phát triển nhanh chóng về thương mại và đầu tư, quan hệ du lịch giữa hai nước cũng phát triển nhanh chóng, trở thành một trong những điểm tăng trưởng mới trong quan hệ kinh tế Việt Nam – Trung Quốc. Theo thống kê, khách Trung Quốc sang Việt Nam du lịch năm 1991 mới đạt khoảng 1 vạn lượt người, đến năm 2003 đã đạt 693.423 khách, tăng gần 70 lần⁽⁶⁾, chiếm 1/3 tổng số khách du lịch quốc tế đến Việt Nam. Tám tháng đầu năm 2004, khách du lịch Trung Quốc đến Việt Nam đứng đầu trong tổng số khách du lịch quốc tế, đạt 519.800 lượt người, tăng 39% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 36% tổng số khách du lịch quốc tế đến Việt Nam⁽⁷⁾. Ngược lại, khách Việt Nam sang du lịch Trung Quốc cũng ngày một tăng. Những năm gần đây, mỗi năm đạt khoảng 2 vạn lượt người.

Ngoài hợp tác giao lưu trên lĩnh vực thương mại, đầu tư và du lịch, thời gian qua, Chính phủ Trung Quốc còn dành cho Việt Nam một số khoản viện trợ không hoàn lại trị giá hơn 200 triệu NDT và các khoản vay ưu đãi trị giá hơn 300 triệu USD để giúp Việt Nam cải thiện một số công trình cơ sở hạ tầng như đường sắt, cải tạo và nâng cao năng lực sản xuất của một số cơ sở sản xuất quan trọng⁽⁸⁾.

Tóm lại, thời gian qua, sự hợp tác Việt - Trung trong lĩnh vực kinh tế - thương mại tuy số lượng chưa nhiều, quy mô chưa lớn nhưng đã mang những nội dung và phương thức hết sức mới thể hiện đúng tinh thần hợp tác bình đẳng, cùng có lợi và bước đầu tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường.

3. Về mặt văn hoá, giáo dục và khoa học

Thời gian qua, cùng với sự phát triển của mối quan hệ hợp tác về thương mại, đầu tư và du lịch, mối quan hệ hợp tác về mặt văn hoá, giáo dục, khoa học kỹ thuật giữa hai nước cũng không ngừng được củng cố và phát triển.

- Về mặt văn hoá, từ sau ngày bình thường hoá quan hệ, mối quan hệ hợp tác về văn hoá giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc ngày càng phát triển cả về bề rộng lẫn bề sâu. Hai nước đã ký nhiều Hiệp định, kế hoạch và chương trình hợp tác về văn hoá, trong đó nêu rõ các nguyên tắc bình đẳng, khuyến khích giao lưu, tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực văn hoá nghệ thuật, thể dục, thể thao, báo chí, phát thanh truyền hình, điện ảnh, thư viện, bảo tàng; đồng thời khuyến khích các hoạt động hợp tác và giao lưu trên các lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật, triển lãm, hợp đồng xuất bản các tác phẩm ưu tú, cử cán bộ thăm viếng trao đổi lẫn nhau v.v...

Nhờ vậy, các hoạt động giao lưu văn hoá giữa hai nước đã phát triển mạnh mẽ, từ khi ký Hiệp định hợp tác văn hoá đến nay, phía Việt Nam đã cử hàng trăm đoàn đại biểu các cấp thuộc các lĩnh vực báo chí, mỹ thuật, bảo tàng, âm nhạc, phim ảnh, kịch nói, truyền hình, nhiếp ảnh, văn hoá truyền thống đến Trung Quốc khảo sát, nghiên cứu, biểu diễn, triển lãm v.v... Ngược lại, nhiều đoàn văn hoá thuộc các lĩnh vực khác nhau của Trung Quốc cũng đã sang Việt Nam biểu diễn, nhận được sự hoan nghênh nhiệt liệt của đồng nghiệp và người xem Việt Nam. Đặc biệt, gần đây, Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc còn

gửi tặng Việt Nam khoản tiền 150 triệu NDĐT để xây dựng Cung văn hoá Việt – Trung tại thủ đô Hà Nội.

- Về mặt giáo dục, ngành giáo dục hai nước đã tiến hành những cuộc hội đàm và ký kết các văn bản thoả thuận về giao lưu và hợp tác giáo dục. Theo đó, tổng số lưu học sinh Việt Nam được hưởng học bổng lưu học tại Trung Quốc mỗi năm đến 130 người. Phía Việt Nam, mỗi năm học cũng dành cho phía Trung Quốc 15 suất học bổng cho lưu học sinh Trung Quốc sang Việt Nam tiến tu và nghiên cứu⁽⁹⁾. Tính đến nay, có hơn 30 trường đại học của Việt Nam có quan hệ giao lưu hợp tác với hơn 40 trường đại học và học viện của Trung Quốc. Ngoài ra, bằng nhiều con đường khác nhau, nhiều thanh niên Việt Nam đã sang Trung Quốc du học tự phí và do có thành tích học tập tốt nên họ đã nhận được các suất học bổng của phía Trung Quốc. Theo thống kê, riêng năm 2003 đã có 3.487 người Việt Nam được nhận các suất học bổng dài hạn và ngắn hạn khác nhau, đứng đầu các nước Đông Nam Á và đứng thứ 4 thế giới, sau Hàn Quốc, Nhật Bản và Mỹ trong số 165 quốc gia và vùng lãnh thổ có lưu học sinh tại Trung Quốc⁽¹⁰⁾.

- Về mặt khoa học, từ sau năm 1991, hợp tác giữa hai nước Việt Nam, Trung Quốc trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật cũng ngày một tăng cường và phát triển. Hai nước đã ký các Hiệp định và Nghị định thư hợp tác Khoa học kỹ thuật, trong đó, sự hợp tác về khoa học kỹ thuật nông nghiệp được hai nước rất coi trọng và đẩy mạnh, như hợp tác trong chế biến nông sản, xây dựng khu sản xuất hàng nông nghiệp áp dụng công

nghệ cao (như dự án lúa lai và rau quả chất lượng cao). Ngoài ra, hai bên còn có các dự án hợp tác trong việc khôi phục, giữ gìn và nhân rộng giống một số cây quả ngon, quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng; hợp tác nghiên cứu quản lý, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn nước sông Mê Kông, sông Hồng; hợp tác trong lĩnh vực bảo vệ môi trường v.v...

Trong lĩnh vực nghiên cứu lý luận, giới nghiên cứu lý luận hai nước đã tổ chức thành công bốn cuộc hội thảo khoa học lớn: Hội thảo "*Chủ nghĩa xã hội - tính phổ biến và tính đặc thù*" (Bắc Kinh, tháng 6 - 2000) và Hội thảo "*Chủ nghĩa xã hội - kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc*" (Hà Nội, tháng 11 - 2000); Hội thảo "*Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*" (Bắc Kinh 10-2003); Hội thảo "*Xây dựng đảng cầm quyền - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*" (Hà Nội, tháng 2-2004).

Còn trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam đã ký các Hiệp định hợp tác với Viện Khoa học xã hội Trung Quốc và một số Viện Khoa học Xã hội các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Tứ Xuyên, Thiểm Tây, Thượng Hải v.v... tạo điều kiện cho hàng trăm nhà khoa học của hai bên có điều kiện đi nghiên cứu khảo sát hoặc trao đổi khoa học. Ngoài ra, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam còn phối hợp với Viện Khoa học Xã hội Quảng Tây Trung Quốc tiến hành đề tài nghiên cứu so sánh đổi mới kinh tế Việt Nam và cải cách kinh tế Trung Quốc và phối hợp

với Viện KHXH Thượng Hải tổ chức thành công hội thảo "Trung Quốc - ASEAN" vào tháng 10-2004 vừa qua.

4. Việc giải quyết vấn đề biên giới lãnh thổ tồn tại giữa hai nước

Trong quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc có 3 vấn đề liên quan đến biên giới lãnh thổ là: biên giới trên đất liền, trên Vịnh Bắc Bộ và vấn đề xác định chủ quyền lãnh thổ, thêm lục địa ở Biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đây là những vấn đề hết sức nhạy cảm trong quan hệ hai nước. Vì vậy, ngay từ khi bình thường hoá quan hệ năm 1991, lãnh đạo cấp cao hai nước đã thể hiện quyết tâm giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ còn tồn tại giữa hai nước.

Trong bản Thông cáo chung ký ngày 10-11-1991, lãnh đạo hai nước đã khẳng định "*Hai bên đồng ý thông qua thương lượng giải quyết hoà bình các vấn đề lãnh thổ, biên giới... tồn tại giữa hai nước*". Theo tinh thần đó, với sự nỗ lực của cả hai bên, ngày 30-12-1999 Việt Nam và Trung Quốc đã ký Hiệp ước biên giới trên đất liền và Hiệp ước này đã có hiệu lực từ ngày 6-7-2000, qua đó góp phần quan trọng vào việc xây dựng đường biên giới Việt - Trung thành đường biên giới hoà bình, hữu nghị và ổn định.

Tiếp theo đó, ngày 25-12-2000 hai nước đã ký Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá. Hiện nay Quốc hội hai nước đã phê chuẩn Hiệp định và kí kết Nghị định thư bổ sung Hiệp định hợp tác nghề cá. Tất

cả bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 30 - 6 - 2004. Với việc ký Hiệp định phân định, hai nước đã giải quyết dứt điểm được vấn đề thứ hai trong ba vấn đề biên giới, lãnh thổ tồn tại lâu nay giữa hai nước; tạo thuận lợi cho việc quản lý và duy trì ổn định lâu dài trong Vịnh Bắc Bộ, góp phần tăng cường sự tin cậy giữa hai bên và tạo động lực thúc đẩy, tăng cường quan hệ hợp tác mọi mặt giữa hai nước.

Cùng với việc đàm phán hoà bình giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền và vấn đề phân định Vịnh Bắc Bộ, từ năm 1993 hai nước đã đồng ý thành lập Nhóm chuyên viên về vấn đề trên biển để đối thoại và bàn bạc. Trong các bản Tuyên bố chung năm 1999 và 2000 hai bên đã khẳng định "*Tiếp tục duy trì cơ chế đàm phán hiện có về vấn đề trên biển, kiên trì thông qua đàm phán hoà bình để tìm ra một giải pháp cơ bản, lâu dài mà hai bên đều có thể chấp nhận được. Trước khi vấn đề được giải quyết, với tinh thần dễ trước khó sau, hai bên tích cực bàn bạc, tìm kiếm khả năng và giải pháp triển khai hợp tác trên biển trong các lĩnh vực như: bảo vệ môi trường biển, khí tượng thuỷ văn, phòng chống thiên tai*". Đồng thời hai bên không tiến hành các hành động làm phức tạp thêm hoặc mở rộng tranh chấp, không sử dụng vũ lực hoặc đe doạ sử dụng vũ lực. Hai bên cần bàn bạc kịp thời và giải quyết thoả đáng những hành động nảy sinh với thái độ bình tĩnh xây dựng, không để bất đồng ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước"⁽¹¹⁾.

Tóm lại, việc ký Hiệp ước trên biên giới đất liền, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam và Trung Quốc là một trong những thành tựu quan trọng trong quan hệ hai nước từ khi bình thường hoá năm 1991 đến nay. Những Hiệp định trên có hiệu lực và đi vào cuộc sống đã tạo xung lực mới mở rộng hợp tác giữa hai nước, làm cho quan hệ hai nước phát triển mạnh hơn nữa trong thế kỷ XXI.

B. Những vấn đề đang đặt ra trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc.

Như đã nêu ở trên, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc hơn 10 năm qua đã phát triển nhanh chóng và toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, nhìn nhận một cách khách quan và khoa học, quan hệ hai nước hiện nay đang đặt ra một số vấn đề như sau:

Một là, trong lĩnh vực kinh tế. Về mặt thương mại, mặc dù tổng kim ngạch xuất khẩu hai bên tăng trưởng nhanh, nhưng lại mất cân bằng, Việt Nam luôn là bên nhập siêu và theo dự đoán mức nhập siêu sẽ tiếp tục gia tăng trong thời gian tới. Tính chung, từ năm 2000 đến tháng 6-2004, Việt Nam nhập siêu 2,8 tỷ USD, bằng 36,26% tổng kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc⁽¹²⁾. Ngoài ra, tình trạng buôn lậu và gian lận thương mại trong buôn bán tiểu ngạch (mậu dịch biên giới) vẫn chưa được ngăn chặn, gây nhiều hậu quả tiêu cực cả về kinh tế lẫn xã hội cho các địa phương biên giới.

Về mặt đầu tư, đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam tuy tăng nhanh cả về số lượng hạng mục lẫn vốn

đầu tư, nhưng chất lượng đầu tư chưa cao. Ví dụ, quy mô bình quân vốn đầu tư thấp, thời hạn đầu tư ngắn, thiết bị kỹ thuật chưa tiên tiến v.v...

Hai là, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị ở một số cửa khẩu trên đường biên giới đất liền hai nước chưa được cải thiện. Thủ tục xuất nhập cảnh người, xuất nhập khẩu hàng hoá và các thủ tục khác như kiểm dịch, lệ phí v.v... còn chưa thật thông thoáng. Hệ thống giao thông, nhất là đường bộ, đường sắt, đường sông ở khu vực biên giới chưa được cải tạo, nâng cấp; hệ thống đường hàng không, nhất là đường bay trực tiếp giữa các tỉnh, thành phố lớn của hai nước còn ít. Tất cả đều ảnh hưởng đến nhu cầu giao lưu ngày càng tăng về người và hàng hoá giữa hai nước. Điều đó làm cho ưu thế gần gũi về địa lý giữa hai nước chưa được phát huy triệt để.

Ba là, về vấn đề biên giới lãnh thổ. Trong thời gian qua, hai nước đã giải quyết được hai trong số ba vấn đề còn tồn tại về mặt lãnh thổ giữa hai bên. Tuy nhiên, đây là vấn đề rất nhạy cảm. Nếu xử lý không khéo sẽ làm giảm sự tin cậy lẫn nhau, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước.

III. MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VIỆC TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC, CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

1. Những nhân tố thuận lợi trong quan hệ hai nước

Trong quan hệ hai nước hiện nay tuy vẫn còn một số khó khăn và tồn tại, nhiều tiềm năng chưa được khai thác

phát huy, nhưng nhìn nhận một cách toàn diện và lâu dài, triển vọng của mối quan hệ Việt - Trung trong thời gian tới là tốt đẹp. Đó là do những nhân tố thuận lợi chủ yếu sau đây:

Một là, Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng, có mối quan hệ nhiều mặt về lịch sử, văn hoá. Nhân dân hai nước có truyền thống hữu nghị lâu đời, trước đây đều từng bị áp bức bóc lột, sau này lại cùng ủng hộ giúp đỡ lẫn nhau trong công cuộc giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Những điều kiện địa lý, lịch sử, văn hóa đó đã gắn kết một cách tự nhiên nhân dân hai nước; đồng thời tạo nên mối quan hệ biện chứng, nương tựa lẫn nhau, không thể tách rời giữa cuộc cách mạng của hai nước Việt Nam - Trung Quốc.

Hai là, hai nước Việt Nam - Trung Quốc hiện đang có nhiều điểm tương đồng về chính trị, kinh tế và xã hội: đều là nước xã hội chủ nghĩa, đều kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, đều đang tiến hành cải cách và mở cửa, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cải cách và mở cửa là một sự nghiệp mới mẻ, vì vậy nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn đã, đang và sẽ nảy sinh rất cần được các nhà nghiên cứu lý luận và khoa học hai nước tăng cường hợp tác và trao đổi để cùng tham khảo, rút kinh nghiệm.

Ba là, cả hai nước đều đặt trọng tâm vào phát triển kinh tế, vì vậy đều cần môi trường xung quanh hoà bình, ổn định để có điều kiện tập trung mọi nguồn lực cho việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm nêu trên.

Bốn là, đối với vấn đề biên giới, lãnh thổ còn tồn tại giữa hai nước, nhất là những vấn đề trên biển, chỉ cần hai nước triệt để tôn trọng những hiệp định hay thoả thuận đã ký kết “không để những bất đồng ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước.” Đây sẽ là một điều kiện đảm bảo quan trọng cho sự phát triển ổn định, toàn diện và lâu dài của quan hệ Việt Nam – Trung Quốc trong thời gian tới.

2. Một số kiến nghị về việc tăng cường hợp tác, cùng nhau phát triển

Những điều trình bày trên đây cho thấy, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc trong thời gian qua đã có sự phát triển nhanh chóng, điều đó đặt nền móng tốt đẹp cho sự phát triển trong thời gian từ nay về sau. Giờ đây, trong bối cảnh mới của tình hình quốc tế, khu vực và mỗi nước, quan hệ Việt – Trung có nhiều cơ hội phát triển mới, nhưng cũng đang đứng trước những khó khăn thách thức. Vì vậy, hai nước cần phải tăng cường hợp tác, hướng tới mục tiêu chung là cùng nhau phát triển. Với tinh thần đó, tôi xin nêu một số kiến nghị cụ thể như sau:

- *Về mặt nhận thức*, cần thấy rằng tình hữu nghị lâu đời giữa hai dân tộc Việt – Hoa là một vốn quý vô giá, giống như một toà lâu đài, một khi bị tổn hại hoặc sứt mẻ thì việc xây dựng hay xây dựng lại thường rất khó khăn. Thực tiễn cho thấy, khi quan hệ hai nước ở trong tình trạng căng thẳng không bình thường thì người bị thiệt hại không ai khác chính là nhân dân hai nước. Ngoài

ra, do điều kiện lịch sử và địa lý mà sự nghiệp cách mạng của hai nước có mối quan hệ mật thiết gắn bó với nhau một cách biện chứng giống như "anh với em, chân với tay, chày với cối, cội và cành" (lời Bác Hồ). Hơn nữa, công cuộc đổi mới hội nhập và cải cách mở cửa mà hai nước đang tiến hành là một sự nghiệp cách mạng hoàn toàn mới mẻ chưa có tiền lệ, đang đứng trước nhiều vấn đề giống nhau. Vì vậy, đây là lúc hơn lúc nào hết, hai nước cần tăng cường đoàn kết, mở rộng hợp tác để hướng tới mục tiêu chung là cùng nhau phát triển, không những phù hợp với lợi ích của nhân dân hai nước, mà còn đóng góp vào sự nghiệp chung của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

- Về mặt giải pháp, trên cơ sở các thoả thuận đã đạt được thể hiện trong các bản Tuyên bố chung và Thông cáo chung cũng như giữa các nhà lãnh đạo cấp cao, các ngành hữu quan hai nước cần tăng cường tiếp xúc, cùng nhau nghiên cứu tìm ra các giải pháp bao gồm cả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhằm làm cho sự hợp tác giữa các lĩnh vực đi vào chiều sâu hơn, thiết thực hơn và cũng hiệu quả hơn. Chẳng hạn, trong lĩnh vực kinh tế, các nhà khoa học hai nước nên phối hợp nghiên cứu nhằm hiện thực hoá ý tưởng xây dựng "hai hành lang, một vành đai kinh tế" cùng với việc làm sao có thể kết nối chúng với hành lang Đông - Tây và tuyến đường xuyên Á, hay việc phát huy vị trí *cầu nối* của Việt Nam và các tỉnh Quảng Tây, Vân Nam Trung Quốc trong khu mậu dịch tự do ASEAN -

Trung Quốc sắp tới, cũng như vị trí *cầu nối* của Việt Nam và các tỉnh ven biển phía Đông Trung Quốc trong tiến trình hợp tác Đông Á sau này v.v..., từ đó có thể "vực dậy" nền kinh tế đang chuyển đổi của hai nước, góp phần thu hẹp chênh lệch vùng ở mỗi nước cũng như giữa hai nước với các nước khác trong khu vực và trên thế giới. Riêng lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, việc hợp tác giữa hai bên nên có sự tổng kết rút ra những mặt được, chưa được, từ đó lựa chọn những vấn đề hay chủ đề cùng quan tâm để tiến hành nghiên cứu so sánh hoặc hội thảo, tìm ra những kinh nghiệm mang tính phổ biến hay quy luật mà hai bên có thể tham khảo, còn những kinh nghiệm nào chỉ mang tính đặc thù hay đặc sắc của mỗi nước thì không nhất thiết phải tham khảo hoặc học tập v.v... Như vậy, sự hợp tác sẽ thiết thực và có hiệu quả hơn.

IV. KẾT LUẬN

Từ khi bình thường hoá năm 1991 đến nay, trên cơ sở những nguyên tắc được ghi nhận trong các bản Tuyên bố chung và Thông cáo chung, mối quan hệ giữa hai nước đã phát triển nhanh chóng và đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả những lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá v.v... cũng như trong việc giải quyết thoả đáng những vấn đề biên giới lãnh thổ còn tồn tại giữa hai nước.

Bước sang thế kỷ mới, mặc dù tình hình thế giới nhất là ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đang có những diễn biến

phức tạp, khó lường, nhưng Hữu nghị - Hợp tác - Phát triển vẫn là trục chính của mối quan hệ hai nước, trong đó: *Cùng nhau phát triển* là mục tiêu mà hai nước cùng phấn đấu; *Hữu nghị* là nền tảng; *Tăng cường hợp tác* cả song phương lẫn đa phương là biện pháp.

Trong xu thế chung đó, mối quan hệ hợp tác giữa các nhà nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn của hai nước cần được tăng cường hơn nữa, phấn đấu trở thành chỗ dựa tin cậy cho các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước của hai nước; đồng thời là cầu nối quan trọng cho mối quan hệ giao lưu giữa nhân dân hai nước, làm cho mối tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước được lưu truyền mãi mãi.

CHÚ THÍCH:

(1). Thông cáo chung Việt Nam – Trung Quốc ký ngày 10-11-1991 đã xác định: - Hai nước Việt Nam và Trung Quốc sẽ phát triển quan hệ hữu nghị và láng giềng thân thiện trên cơ sở 5 nguyên tắc: tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi và cùng tồn tại hoà bình.

- Hai Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ khôi phục quan hệ bình thường trên các nguyên tắc: độc lập tự chủ, hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

(2). Số liệu 1991. Dẫn lại theo sách *Việc xây dựng Khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN và vấn đề mở cửa Vân Nam hướng*

sang Đông Nam Á. NXB Nhân dân Văn Nam, 2003, tr. 230. Số liệu dẫn theo Phòng Thương mại Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam.

(3). Dẫn theo *Phát biểu của Thủ trưởng Bộ Thương mại Trần Đức Minh* tại Hội thảo *Tăng cường quan hệ kinh tế – thương mại Việt – Trung* tổ chức tại Hà Nội ngày 23 – 9 – 2004.

(4). Số liệu năm 1991. Dẫn theo Vũ Phương: *Nhìn lại tình hình đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam 10 năm qua (11-1991 - 11-2001)*. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc số 2 – 2002, tr. 32. Số liệu năm 2003 dẫn theo Vụ Đầu tư nước ngoài thuộc Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt Nam.

(5). Dẫn theo *Phát biểu của lãnh đạo Bộ Kế hoạch và đầu tư* tại Hội thảo *Tăng cường quan hệ kinh tế – thương mại Việt – Trung* tổ chức tại Hà Nội ngày 23 – 9 – 2004.

(6). Số liệu của Tổng cục Du lịch Việt Nam.

(7). Dẫn theo Tạp chí *Con số và sự kiện*, số 9 – 2004, tr. 4.

(8). Dẫn theo Phát biểu của lãnh đạo Bộ Kế hoạch và đầu tư. Tài liệu đã dẫn, tr. 2.

(9). Thỏa thuận về giao lưu giáo dục năm 2001 -2004 giữa Bộ Giáo dục và đào tạo nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Bộ Giáo dục nước CHND Trung Hoa ký tại Bắc Kinh ngày 24-4-2004.

(10). *Ngoại giao Trung Quốc*, 2004. NXB Tri thức thế giới, Bắc Kinh, 2004, tr. 500.

(11). *Tuyên bố chung Việt Nam- Trung Quốc*, ký tại Bắc Kinh ngày 27-2-1999, Báo Nhân dân, ngày 28-2-1999.

(12). Xem Hoài Sơn: *Buôn bán với Trung Quốc: Cán cân quá lệch*. Báo Diễn đàn doanh nghiệp, số 79, ngày 6 - 10 - 2004, tr. 4.